

# DỰ BÁO XU HƯỚNG TOÀN CẦU HÓA VÀ NHỮNG TÁC ĐỘNG ĐỐI VỚI PHÁT TRIỂN XÃ HỘI VÀ QUẢN LÝ PHÁT TRIỂN XÃ HỘI

NGUYỄN XUÂN DŨNG<sup>(\*)</sup>

**T**hế giới ngày nay đang tiến vào giai đoạn phát triển mới với những biến đổi rộng lớn, sâu sắc và nhanh chóng trên tất cả các lĩnh vực của đời sống kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội và đặc biệt là khoa học và công nghệ. Toàn cầu hóa và khu vực hóa nổi lên như một xu thế khách quan, định hướng, dẫn dắt quá trình phát triển của thế giới, bắt nguồn từ sự phát triển của khoa học – công nghệ với tư cách là lực lượng sản xuất chủ yếu, từ tính chất xã hội hóa của lực lượng sản xuất trên quy mô quốc tế. Đây là những nhân tố tạo ra những tình huống rất khó dự báo. Những xu hướng phát triển mới này vừa mang lại không ít cơ hội, đồng thời lại đặt ra nhiều thách thức đối với phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội của các quốc gia và nền kinh tế đi sau, trong đó có Việt Nam.

Phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội là một phạm trù rộng với nhiều cách hiểu và tiếp cận nghiên cứu khác nhau. Theo các nhà kinh điển chủ nghĩa Marx – Lenin, con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát

triển xã hội, trong đó vai trò của nhu cầu và lợi ích con người được xác định nằm trong hệ thống động lực tạo nên sự phát triển xã hội. Theo Cơ quan chuyên trách về phát triển xã hội thuộc Liên Hợp Quốc thì khái niệm phát triển xã hội được xác định bao gồm 4 lĩnh vực cơ bản: 1) Xóa đói và tạo việc làm; 2) Dịch vụ hỗ trợ liên chính phủ và thực hiện; 3) Chính sách kinh tế - xã hội và quản lý phát triển xã hội; và 4) Hội nhập xã hội (Xem thêm: 7).

“Vấn đề quản lý sự phát triển xã hội có một tầm quan trọng đặc biệt. Sự phát triển xã hội bắt đầu bằng việc quản lý xã hội. Một xã hội phát triển tốt và lành mạnh phụ thuộc chủ yếu vào năng lực quản lý xã hội đó” (Xem thêm: 8). Trong đó, nếu kinh tế được coi là nền tảng và là yếu tố hàng đầu của sự phát triển xã hội, thì phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội liên quan và phụ thuộc chặt chẽ vào khả năng, mức độ phát triển và tăng trưởng kinh tế của xã hội.

---

<sup>(\*)</sup> TS., Giám đốc, Tổng biên tập Nhà xuất bản Khoa học xã hội.

Sự tăng trưởng và phát triển kinh tế bền vững là cơ sở chủ yếu, là nền tảng vật chất tác động đến phát triển xã hội. Nói cách khác, sự phát triển xã hội phải là sự phát triển toàn diện, lấy phát triển kinh tế làm cơ sở để thúc đẩy những tiến bộ xã hội. Do đó, phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội dù là trong chế độ xã hội phát triển theo định hướng XHCN cũng không thể vượt quá khả năng cho phép của trình độ phát triển kinh tế, nhất là trong tình trạng phát triển không đều của nền kinh tế.

Cần nhấn mạnh rằng phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay nhằm thực hiện mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ và văn minh”, trong đó cơ cấu xã hội phải phù hợp với cơ cấu kinh tế, thực hiện sự kết hợp hài hòa giữa phát triển kinh tế và phát triển xã hội, tạo điều kiện cho con người phát huy hết tiềm năng lao động sáng tạo trong một xã hội nhân văn.

### **I. Dự báo một số xu hướng chủ yếu của toàn cầu hóa**

Một trong những đặc trưng chủ yếu của xu hướng toàn cầu hóa kinh tế ngày nay là tự do hóa thương mại-dịch vụ, với mục tiêu xóa bỏ các rào cản về thuế quan cũng như phi thuế quan, thủ tục thương mại trở nên đơn giản và ngày càng thống nhất trên phạm vi toàn thế giới, tăng cường việc trao đổi hàng hóa - dịch vụ, vốn... tiến dần tới việc mở rộng cơ hội tiếp cận đến một thị trường thế giới thống nhất. Tính toàn cầu của hoạt động thương mại thế giới ngày một gia tăng do nhiều quốc gia tham gia vào hoạt động này. Tự do hóa tài chính đang trở thành khâu trọng tâm của toàn cầu hóa kinh tế và đang ngày càng chi phối mạnh mẽ động thái phát triển của kinh

tế thế giới, được coi là đặc trưng nổi bật chi phối tiến trình tự do hóa về thương mại, dịch vụ và đầu tư. Nhờ vậy, cơ hội cho các nền kinh tế kém phát triển tiếp cận dòng vốn quốc tế trở nên dễ dàng hơn, mở rộng khả năng hội nhập vào thị trường thế giới. Giờ đây, hoạt động đầu tư diễn ra trên phạm vi toàn cầu, trở thành trụ đỡ mới cho kinh tế phát triển và tăng trưởng. Khoảng cách về gia tăng đầu tư trực tiếp nước ngoài và mậu dịch quốc tế bình quân hàng năm đang thu hẹp lại. Việc các nền kinh tế thực hiện kinh tế thị trường - mở cửa tham gia vào hệ thống tài chính này là đòi hỏi bắt buộc, mặc dù trong quá trình này có cả cơ may và dễ thương tổn, do các quốc gia và nền kinh tế cần có sự điều chỉnh kịp thời và có đối sách linh hoạt với mọi biến đổi của nền tài chính quốc tế.

Với sự đa dạng về cấp độ phát triển, sự khác biệt về địa - chính trị, địa - kinh tế và văn hóa, hàng loạt các tổ chức kinh tế khu vực và quốc tế đã hình thành và phát triển. Các tổ chức này là hiện thân của xu hướng tự do hóa về thương mại và đầu tư quốc tế, có khả năng phối hợp toàn cầu để ngăn chặn và khắc phục hậu quả khủng hoảng, trong đó các tổ chức kinh tế quốc tế giữ vai trò cực kì quan trọng. Điều này cho thấy vai trò của kinh tế đã được nâng cao hơn trong các quan hệ quốc tế. Tuy nhiên, nhu cầu phối hợp quản lý toàn cầu tăng lên đòi hỏi có sự thay đổi phạm vi, chức năng và cấu trúc của các tổ chức này cho phù hợp với những biến động của môi trường quốc tế trong bối cảnh toàn cầu hóa.

Trong những năm gần đây, thông qua việc cắt giảm chi phí và nâng cao tiềm lực tài chính, công nghệ - kỹ thuật..., quá trình sáp nhập, liên kết các

công ty đa quốc gia diễn ra mạnh mẽ, nhất là trong công nghiệp, thương mại – dịch vụ, tài chính – ngân hàng, tạo cho chúng sức cạnh tranh và sức mạnh chi phối mới trên quy mô toàn cầu. Đặc biệt, kinh tế tri thức làm cho diện mạo và cơ cấu nền kinh tế thế giới thay đổi một cách sâu sắc, tạo tiền đề cho sự phát triển mạnh mẽ của thương mại dịch vụ và thương mại điện tử, chi phối sâu rộng các tập đoàn xuyên quốc gia và thúc đẩy tốc độ lưu chuyển nhanh của các dòng vốn quốc tế... Nhưng do mối quan hệ phức tạp giữa các công ty, tập đoàn đa quốc gia nên trong nhiều trường hợp, việc dự đoán chiều hướng của các mối quan hệ này trở nên khó khăn hơn.

Việc phát triển lên một trình độ mới của thị trường thế giới có quan hệ với sự hình thành và phát triển hệ thống phân công lao động quốc tế mới, dẫn tới xu hướng tất yếu của tập trung, chuyên môn hóa sản xuất và phân công lao động trên phạm vi toàn cầu, tạo ra khả năng phát triển “rút ngắn” và mang lại những nguồn lực rất quan trọng, rất cần thiết từ các nguồn vốn, công nghệ mới, mở rộng thị trường và kinh nghiệm quản lý cho mọi nền kinh tế, nhất là đối với các nền kinh tế đang phát triển. Phân công lao động quốc tế có những thay đổi đáng kể, từ phân công lao động truyền thống dựa trên quan hệ quốc gia đang chuyển thành phân công lao động quốc tế hiện đại dựa trên nguyên tắc mạng toàn cầu. Trong hệ thống mới này, khả năng công nghệ đang trở thành yếu tố quan trọng, các hàng rào kinh tế giữa các nền kinh tế hạ thấp xuống, trong khi mức độ liên kết và tương thuộc lẫn nhau tăng lên. Sự ràng buộc phát triển lẫn nhau như vậy làm

cho cả cơ hội và thách thức phát triển đối với mỗi nền kinh tế trở nên lớn hơn và mang những sắc thái mới, nhất là đối với những nền kinh tế kém phát triển và đi sau. Đây cũng chính là điều kiện để củng cố vị thế của mình nếu biết giành vị trí tối ưu trong phân công lao động quốc tế.

Phát triển thương mại điện tử đặt ra hàng loạt vấn đề cần giải quyết trên tất cả các bình diện quốc tế, quốc gia và doanh nghiệp. Nền kinh tế tri thức mở đường cho các quốc gia đang phát triển khả năng tiếp nhận công nghệ mới, nhất là công nghệ thông tin nhằm điều chỉnh mô thức và cơ cấu kinh tế, coi phát triển công nghệ thông tin là ưu tiên hàng đầu để hội nhập vào nền kinh tế quốc tế; thực hiện chiến lược phát triển rút ngắn thông qua các hoạt động tiếp nhận chuyển giao công nghệ và kỹ năng quản lý. Các ngành mới sử dụng công nghệ cao và tinh vi như công nghệ sản xuất phần mềm vi tính và vi xử lý đang thay thế các ngành công nghiệp cần nhiều lao động, trong khi lao động giá rẻ chiếm tỷ lệ ngày càng nhỏ trong tổng chi phí của ngành công nghiệp kỹ thuật cao. Điều này đang làm thay đổi căn bản các lĩnh vực của đời sống xã hội loài người, đưa thế giới từ kỷ nguyên “công nghiệp ống khói” sang kỷ nguyên kinh tế tri thức.

Toàn cầu hoá tạo ra sự cạnh tranh gay gắt và nảy sinh vấn đề thất nghiệp làm trầm trọng thêm các vấn đề xã hội vốn đã rất nan giải ở các quốc gia chậm phát triển hơn. Do đặc điểm của thời đại có những thay đổi lớn lao, trước hết là sự phát triển vượt bậc về khoa học – công nghệ và sự gia tốc của xu hướng toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế, điểm khác biệt đáng kể nhất hiện

nay so với trước kia là cạnh tranh sẽ ngày càng gay gắt hơn không chỉ ở thị trường ngoài nước mà cả ở thị trường trong nước, độ mở của nền kinh tế sẽ mạnh hơn, rộng hơn, sự tùy thuộc lẫn nhau giữa các nền kinh tế sẽ đậm nét hơn... Những xu hướng trên tác động rất lớn đến các định hướng phát triển kinh tế - xã hội của mỗi quốc gia. Sự phát triển của nền kinh tế có xu hướng chuyển từ chiều rộng sang chiều sâu, thể hiện ở trình độ khoa học công nghệ ngày càng cao của các doanh nghiệp, ở hiệu quả kinh tế - xã hội và tác động lan tỏa mà các doanh nghiệp mang lại đối với nền kinh tế.

Xu hướng toàn cầu hoá mở ra cơ hội hợp tác phát triển nhưng lại bao hàm khả năng phụ thuộc vào hệ thống phân công lao động quốc tế. Trong điều kiện toàn cầu hoá, sự phụ thuộc vào cơ cấu quốc tế là tất yếu. Điều này cũng dẫn đến việc thu hẹp phạm vi và quyền lợi của các quốc gia với quá trình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Tham gia vào hệ thống phân công lao động quốc tế cũng có nghĩa là các quốc gia sẽ phụ thuộc, ràng buộc lẫn nhau. Khi tham gia vào hệ thống phân công lao động quốc tế, các quốc gia không những chịu hậu quả tác động dây chuyền trong các chấn động kinh tế, mà còn giảm khả năng kiểm soát điều chỉnh các hoạt động kinh tế quốc gia cả ở tầm vĩ mô lẫn vi mô. Trong trường hợp không kiểm soát được nguồn lực, nhất là vốn và công nghệ sẽ làm giảm tính độc lập và chủ động trong kế hoạch tăng trưởng của đất nước, và trong một số trường hợp nhà nước phải thực hiện việc bảo hộ. Đối với quốc gia phát triển nền kinh tế thị trường thì việc phụ thuộc vào hệ thống phân công lao động quốc tế dưới

sự chi phối của các của công ty xuyên quốc gia sẽ dẫn đến nguy cơ mất ổn định cao hơn. Trong mối quan hệ này không chỉ đơn thuần là hợp tác cạnh tranh về kinh tế, mà còn là vấn đề chính trị, vấn đề ý thức hệ.

Mặt khác, một quốc gia có tỉ lệ ngoại thương cao trong tổng giá trị thu nhập quốc dân, cũng có nghĩa bao hàm khả năng bất ổn cao từ bên ngoài đưa lại, ảnh hưởng đến khả năng phát triển của đất nước, nhất là những khó khăn khi có sự bất ổn của nền kinh tế. Vấn đề đặt ra là khi nền kinh tế bất ổn thì cũng đồng nghĩa với bất ổn trong quá trình phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội, bởi trên thực tiễn quá trình phát triển kinh tế và phát triển xã hội luôn có mối quan hệ qua lại lẫn nhau. Do đó, các quốc gia cần xác định một chiến lược phát triển hợp lý, phù hợp với định hướng phát triển đất nước. Việc tham gia vào quá trình toàn cầu hóa tất yếu dẫn đến những ảnh hưởng không nhỏ đối với phát triển kinh tế, theo đó sự phát triển không hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển xã hội sẽ tác động trực tiếp đến vấn đề quản lý phát triển xã hội.

Như vậy, có thể nói xu hướng toàn cầu hóa là một trong những động lực quan trọng nhất thúc đẩy kinh tế thế giới phát triển mạnh trong thế kỷ XXI, nó không chỉ đòi hỏi tiến hành những cải cách sâu rộng để nâng cao sức cạnh tranh và hiệu quả của mỗi nền kinh tế, mà còn mở ra những thị trường mới và cách thức hoạt động mới cho từng nền kinh tế. Toàn cầu hóa tạo điều kiện cho các nền kinh tế tận dụng được lợi thế so sánh của mình, thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước...

## **II. Xu hướng toàn cầu hoá tác động đến phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội**

Xu hướng toàn cầu hóa không phải bao giờ cũng mang lại lợi ích như nhau cho mọi quốc gia, nhất là trong phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội, trong một số trường hợp, chẳng những không thu hẹp được những bất công mà còn có nguy cơ dẫn đến sự phân cực giàu nghèo ngày càng lớn do trình độ phát triển vị thế chính trị - kinh tế của mỗi quốc gia, cũng như khoảng cách phát triển giữa các quốc gia với nhau. Sự xâm nhập lẫn nhau giữa các quốc gia kéo theo cả những khía cạnh tiêu cực của kinh tế thị trường thế giới tác động đến mỗi quốc gia, trước hết đối với sản xuất hàng hóa của các quốc gia và nền kinh tế đang phát triển. Sản xuất trong nước sẽ phải cạnh tranh rất mạnh với các công ty đa quốc gia mà phần lớn các công ty này thuộc về các nước phát triển. Các quốc gia và nền kinh tế đang phát triển ngày càng lệ thuộc vào sự ổn định của nền kinh tế thế giới, đặc biệt là đối với các thành tố có độ ổn định kém như luồng vốn đầu tư, các chỉ số của thị trường tài chính, thị trường chứng khoán quốc tế... Hơn nữa, hội nhập vào nền kinh tế thế giới cũng có nghĩa là làm giảm tính độc lập của từng quốc gia, nền kinh tế trong việc hoạch định chính sách kinh tế, thương mại, vì thế, quốc gia và các nền kinh tế sẽ phải chịu ảnh hưởng nhiều hơn từ các yếu tố quốc tế.

Đi liền với sự tăng thu nhập ở những người giàu và nhóm nước giàu là sự giảm thu nhập ở các quốc gia nghèo. Ở ngay nước Mỹ trong những thập kỷ vừa qua tình trạng bất bình đẳng cũng gia tăng với sự gia tăng của toàn cầu hoá nền kinh tế. Tính chung trong toàn

xã hội, vào năm 1959, 45% số cá nhân và gia đình giàu nhất nước Mỹ có thu nhập bằng 35% số cá nhân và gia đình có thu nhập thấp nhất, con số tương ứng của năm 1989 là 4% và 51% (4, tr.108). Như vậy, mức độ phân hoá giàu nghèo ở các quốc gia đang phát triển trong những thập niên vừa qua còn có phần gay gắt hơn (trừ một số quốc gia ở Đông Nam Á là những quốc gia được hưởng lợi từ toàn cầu hoá do có những chính sách phát triển và hội nhập hợp lý, có tính chiến lược). Ở các quốc gia đang phát triển, hệ số Gini trong 3 thập kỷ gần đây đều lớn hơn 0,5, phản ánh mức bất công cao (9). Mức độ bất bình đẳng ở một số quốc gia và vùng lãnh thổ cũng đang mở rộng gắn liền với xu hướng cải cách mở cửa, hội nhập vào nền kinh tế toàn cầu. Theo số liệu thống kê, năm 1994, 20% gia đình nghèo nhất ở Trung Quốc chỉ chiếm 4,17% tổng thu nhập, còn 20% gia đình giàu nhất lại chiếm 50,2%. Sự chênh lệch này theo một số nghiên cứu cho rằng còn cao hơn cả Mỹ.

Bản thân sự phân hoá giàu nghèo, sự gia tăng bất công không phải chỉ gắn với toàn cầu hoá, mà nó có nguồn gốc từ bản chất của chế độ phân phối thu nhập. Toàn cầu hoá góp phần làm sâu sắc hơn tình trạng phân hoá giàu nghèo ở chỗ nó đặt các cá nhân, các quốc gia ở những lợi thế, cơ hội không giống nhau. Và dưới sự thao túng của các quốc gia tư bản phát triển cùng với các tập đoàn xuyên quốc gia, với mục đích tối đa hoá lợi nhuận gắn với tối thiểu hoá lao động, đã dẫn tới việc phân bổ lợi ích của tăng trưởng theo xu hướng “từ dưới lên trên” và kết quả người giàu càng được lợi, càng giàu, người nghèo càng bất lợi, càng nghèo (4, tr.113). Nhiều nghiên cứu đã đặt ra câu hỏi rằng phải chăng

toàn cầu hóa càng tăng thì thế giới càng phân hóa? Điều này cũng cho thấy xu hướng toàn cầu hóa càng tăng thì càng tác động mạnh mẽ đến phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội ở mỗi quốc gia khi tham gia vào quá trình này.

Do trình độ và năng lực hạn chế cùng với yếu kém, lạc hậu trong quản lý, hàng hoá của các quốc gia đang phát triển tất yếu sẽ kém chất lượng hơn sản phẩm cùng loại của các quốc gia phát triển, ngoài ra nhu cầu của các quốc gia đang phát triển có thể được thoả mãn bởi các loại hàng hoá có khả năng thay thế mà thuận lợi hơn được sản xuất ở các nước phát triển. Cho nên khi các quốc gia và nền kinh tế đang phát triển tham gia vào quá trình toàn cầu hoá sẽ gặp nhiều khó khăn trong cạnh tranh. Xu hướng toàn cầu hoá tạo điều kiện thuận lợi cho con người tiếp nhận các nguồn thông tin đa chiều, góp phần nâng cao nhận thức, nâng cao dân trí cũng như ý thức dân tộc. Tuy nhiên, xu hướng toàn cầu hóa cũng gây ra một số vấn đề như rối loạn xã hội, làm mất ổn định chính trị... Mặt khác, việc mở cửa quan hệ với thế giới bên ngoài lại luôn luôn bị các thế lực thù địch thực hiện mưu đồ diễn biến hoà bình. Có thể nói, toàn cầu hóa xét trên khía cạnh nào đó làm tăng nguy cơ về độ an toàn đối với đời sống con người trên nhiều phương diện kinh tế, chính trị, xã hội, môi trường. Và theo đó, phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội cũng cần được nghiên cứu một cách hệ thống nhằm giải quyết những vấn đề đặt ra.

Như vậy, có thể nói rằng xu hướng toàn cầu hóa tác động mạnh mẽ đến phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội trên một số vấn đề cụ thể như:

*Thứ nhất*, toàn cầu hóa làm thay đổi tư duy và phương thức điều hành, quản lý của nhà nước đối với quá trình phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội, bao gồm quản lý phát triển xã hội trong các lĩnh vực: kinh tế, chính trị, văn hóa, môi trường, phát triển con người... Theo đó, khung khổ pháp luật, hệ thống chính sách, năng lực quản lý sự phát triển phải theo định chuẩn và kinh nghiệm quốc tế để điều chỉnh định hướng cải cách nhằm thích ứng với các yêu cầu đặt ra của môi trường thể chế toàn cầu. Về cơ bản, nhà nước phải có những thay đổi về vai trò của mình trong việc nắm bắt xu hướng phát triển của các quốc gia trên thế giới, biến tiềm năng đất nước thành động lực phát triển. Mặt khác, nhà nước xác định cơ hội lựa chọn và định hướng cho sự phát triển kinh tế - xã hội làm cho các cơ hội và lựa chọn này không loại trừ lẫn nhau. Khi hội nhập sâu hơn vào nền kinh tế thế giới, nhà nước sẽ phải dựa nhiều hơn vào hoạt động hợp tác quốc tế, bởi quá trình phát triển xã hội của mỗi quốc gia đã mang tính khu vực và quốc tế, nên chú trọng điều hành các vấn đề phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội.

*Thứ hai*, toàn cầu hóa thúc đẩy quá trình dân chủ và pháp quyền hóa nhà nước – đây là điều kiện để nhà nước thể hiện được vai trò, chức năng quản lý các lĩnh vực của đời sống xã hội, phối hợp với các chủ thể khác để/và tạo ra các điều kiện thực tế để thích ứng hiệu quả hơn với toàn cầu hóa. Đặc biệt, ngày nay vấn đề phát triển xã hội trở thành một yếu tố quan trọng, gắn liền với tiến trình phát triển kinh tế, và các vấn đề như: giảm nghèo, nâng cao năng lực quản lý sự phát triển ở cơ sở, môi

trường, việc làm và phát triển con người... Đây chính là những yếu tố ảnh hưởng mạnh mẽ đối với các quốc gia trong việc tham gia vào quá trình toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế, đưa đất nước phát triển một cách bền vững.

*Thứ ba*, toàn cầu hóa thực chất là việc mở rộng cơ hội để người dân của mỗi quốc gia có thể tiếp cận văn minh nhân loại, thúc đẩy sự xích lại gần nhau của các dân tộc, góp phần nâng cao dân trí và sự tự khẳng định của các dân tộc, các quốc gia và mỗi con người, góp phần vào một thế giới “thống nhất trong đa dạng”. Nói cách khác, các nền văn hóa giao thoa và chọn lọc những giá trị phổ biến giúp thế giới không chỉ tăng trưởng, phát triển kinh tế mà còn ngày càng hướng tới sự phát triển toàn diện của con người (1, tr.62). Đây cũng chính là tiền đề cho sự phát triển kinh tế - xã hội bền vững và theo đó ảnh hưởng không nhỏ đến phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội của mỗi quốc gia.

Từ góc độ lý thuyết cũng như trên thực tế, sự cạnh tranh giữa các nền kinh tế trong môi trường toàn cầu hoá sẽ tác động không nhỏ đến phát triển của nền kinh tế. Do vậy các nhà hoạch định chính sách của các quốc gia phải đề ra các chính sách, cơ chế cũng như điều chỉnh chiến lược, chính sách phát triển kinh tế một cách kịp thời và chính xác. Nếu không có sự điều tiết của nhà nước chắc chắn sẽ ảnh hưởng đến sự phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội trong quá trình phát triển đất nước.

Đối với Việt Nam, sau hơn 20 năm tiến hành công cuộc đổi mới, nền kinh tế đã đạt được sự ổn định và có mức tăng trưởng khá cao, tạo ra mặt bằng mới,

cao hơn đáng kể so với trước khi đổi mới. Các chỉ tiêu phản ánh khía cạnh của sự phát triển kinh tế-xã hội đất nước, chất lượng trình độ cơ cấu ngành kinh tế, những dịch chuyển về cơ cấu tích lũy – tiêu dùng, xuất nhập khẩu, thu – chi ngân sách có nhiều tiến bộ. Một số ngành, doanh nghiệp đã bắt đầu có sức cạnh tranh trong nước đối với hàng nhập ngoại và mở rộng dần thị trường xuất khẩu do tiếp thu công nghệ quản lý và kỹ thuật mới. Xu hướng mở cửa và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế phát triển thông qua việc tham gia các tổ chức hợp tác kinh tế, thương mại khu vực và thế giới. Với tư cách là thành viên chính thức của WTO, Việt Nam nâng cao được uy tín của mình trong khu vực và quốc tế, thúc đẩy tăng trưởng thương mại và đầu tư. Các doanh nghiệp Việt Nam được đối xử công bằng hơn và quyền lợi sẽ được bảo đảm hơn, giúp cho hàng hóa nước ta dễ dàng xâm nhập vào các thị trường như Mỹ, châu Âu, Nhật Bản

Dù rằng có nhiều khó khăn phức tạp do tác động của xu hướng toàn cầu hóa như phải đối mặt với nhiều vấn đề tiêu cực nảy sinh, cùng với gia tăng phân hoá giàu nghèo, tình trạng thất nghiệp cũng tăng nhanh..., nhưng sự ổn định và thống nhất về chính trị – xã hội của nước ta là một nhân tố thuận lợi cơ bản. Nhu cầu tăng trưởng nền kinh tế là nhu cầu cấp thiết và là mục tiêu thống nhất của toàn xã hội. Chủ trương đối ngoại mở rộng, đa phương hóa các quan hệ đối ngoại. Môi trường thể chế từng bước được hình thành và phát triển. Là một quốc gia đi sau, nước ta có điều kiện rút ra được những bài học thành công và không thành công trên nhiều lĩnh vực: từ quản lý kinh tế vĩ mô đến bảo vệ

môi trường sinh thái, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc... của các quốc gia đi trước, đặc biệt là của các NIEs Đông Á. Có thể nói đây là những điều kiện quan trọng giúp cho sự phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội ở nước ta đạt được mục tiêu đề ra.

Trong thực tế phát triển của mỗi quốc gia, vấn đề phát triển xã hội luôn luôn biến đổi, phát sinh những cái mới, do đó cần có sự kết hợp một cách chặt chẽ và hài hòa giữa phát triển xã hội với quản lý phát triển xã hội. Theo đó, Việt Nam cần đề ra các chính sách phù hợp nhằm khai thác tối đa lợi thế so sánh của mình, đồng thời cần có chính sách và biện pháp đúng, chuyển đổi một cách cơ bản cơ cấu kinh tế còn nặng về nông nghiệp sang công nghiệp hiện đại, dịch vụ tiên tiến, từng bước phát triển kinh tế tri thức. Có chính sách và bước đi cụ thể nhằm hạn chế tối đa những mặt trái của xu hướng phát triển hiện nay, bởi trình độ dân trí, nguồn nhân lực chưa đáp ứng được những thay đổi nhanh chóng trên thế giới, tất yếu sẽ cản trở sự phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội. Hơn nữa những mặt thuận lợi tiềm năng có phát huy được hay không, có trở thành hiện thực hay không, còn phụ thuộc vào nhiều nhân tố, trong đó có việc khắc phục những cản trở yếu kém cả về mặt chủ quan và khách quan. Đặc biệt, việc tiếp tục đổi mới hoạt động quản lý nhà nước đối với toàn bộ nền kinh tế, cũng như đối với sự phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội trước những thay đổi nhanh chóng của xu hướng toàn cầu hóa đang ngày càng tác động mạnh mẽ tới mọi quốc gia và dân tộc.

Tóm lại, tuy không phải dễ dàng và chỉ có thuận lợi, nhưng việc tham gia

vào quá trình toàn cầu hóa là tất yếu đối với mọi quốc gia và nền kinh tế, không kể đang ở vào trình độ phát triển nào. Đây sẽ là cơ hội để thực hiện nhanh quá trình cải cách trong nước, khắc phục tình trạng tụt hậu, nhất là đối với các quốc gia và nền kinh tế chậm phát triển. Nhìn chung, các quốc gia đều lựa chọn đường lối kinh tế mở, chấp nhận hội nhập, nhưng chỉ quốc gia nào có chính sách phù hợp (lộ trình, bước đi và các giải pháp hội nhập) mới có thể thu được lợi ích mong đợi, giảm thiểu được những tác động tiêu cực. Xu hướng này đòi hỏi các quốc gia phải dự báo các vấn đề đặt ra trong phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội để từ đó xây dựng và thực thi chính sách phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội một cách phù hợp với luật pháp và thông lệ quốc tế.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Xuân Thắng (chủ biên). Toàn cầu hoá kinh tế và hội nhập kinh tế quốc tế đối với tiến trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở Việt Nam. H.: Khoa học xã hội, 2007.
2. Lưu Lực. Toàn cầu hoá kinh tế lối thoát của kinh tế là ở đâu (bản dịch tiếng Việt). H.: Khoa học xã hội, 2002.
3. Nguyễn Xuân Dũng. Một số định hướng đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở Việt Nam giai đoạn 2001-2010. H.: Khoa học xã hội, 2002.
4. Dương Phú Hiệp, Vũ Văn Hà. Toàn cầu hóa kinh tế. H.: Khoa học xã hội, 2001.

*(Xem tiếp trang 51)*